

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/KDTM-ST

Ngày: 21-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Võ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 25/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng B;

Địa chỉ trụ sở chính: 169 Thùy Vân, Phường S, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Anh T, chức vụ: Giám đốc, là đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Tiến M, sinh năm 1976, chức vụ: Kế toán trưởng B DIC Phú Mỹ thuộc Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng B là đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền số 46/2019/GUQ - DIC ngày 11-6-2020 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng B.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần TB;

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 9 - 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Đ, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr - chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật.

(Ông M có mặt; ông T, ông Tr vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tiến M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13-4-2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng B (gọi tắt là công ty B) và Công ty cổ phần TB (gọi tắt là công ty TB) ký kết hợp đồng kinh tế số 50/2017/BT-HĐKT về việc mua bán B thương phẩm (gọi tắt là hợp đồng số 50). Theo đó, Công ty Cổ phần TB mua B thương phẩm của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng B để thi công công trình Kho muối Quốc gia - khu công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty B đã giao đủ số lượng B thương phẩm và đúng chất lượng cho Công ty TB theo yêu cầu đặt hàng như trong hợp đồng đã ký kết.

Từ ngày 22-3-2017 đến ngày 25-5-2017, Công ty B đã giao B thương phẩm cho công ty TB với tổng giá trị sản phẩm là 10.059.621.550đồng. Từ ngày 22-3-2017 đến ngày 22-01-2019, Công ty TB đã thanh toán cho Công ty B số tiền 8.668.177.100đồng, còn nợ lại 1.391.444.450đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần điện thoại, gửi công văn đề nghị thanh toán, trực tiếp làm việc tại trụ sở của bị đơn yêu cầu bị đơn - Công ty TB để thanh toán hết khoản tiền còn nợ nhưng công ty TB không thực hiện. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.391.444.450đồng và lãi suất tính đến ngày 23-9-2019 là 348.779.466đồng.

Ngày 31-01-2020, Công ty TB đã trả thêm 150.000.000đồng tiền mua B theo hợp đồng số 50 cho nguyên đơn nên số tiền Công ty TB đã thanh toán được cho nguyên đơn là 8.818.177.100đồng, còn nợ lại 1.241.444.450đồng.

Ngày 01-6-2020, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý vụ án với yêu cầu khởi kiện nói trên của nguyên đơn theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án để giải quyết theo thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Căn cứ hợp đồng số 50, căn cứ tổng khối lượng B thực tế mà Công ty B đã bán cho Công ty TB dựa trên các hóa đơn tài chính, bản xác nhận khối lượng và các đợt thanh toán của Công ty TB, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu Công ty TB thanh toán số tiền nợ gốc là 1.241.444.450đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty TB đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu công ty TB thanh toán cho Công ty B số tiền nợ gốc là 1.241.444.450đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã thụ lý đúng thẩm quyền và tiến hành các thủ tục tố tụng đạt đối với bị đơn công ty TB theo đúng quy định nhưng công ty TB vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt công ty TB là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Xét trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn - Công ty B yêu cầu Công ty TB trả nợ theo hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa đã ký kết, các bên đều có đăng ký kinh doanh nên hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hợp đồng kinh tế được ký kết tại địa chỉ trụ sở của nguyên đơn là thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ hợp đồng kinh tế số 50/2017/BT-HĐKT ngày 13-4-2017 và phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn Công ty TB có địa chỉ trụ sở chính tại Lầu 9-85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Đ, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo địa chỉ nêu trên để bị đơn tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng Công ty TB vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty TB.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Hợp đồng kinh tế số 50/2017/BT-HĐKT ngày 13-4-2017 được Công ty B ký kết với Công ty TB trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Bị đơn Công ty TB được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và xác nhận hiện nay chưa giải thể. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị

đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến và chứng cứ nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Các bảng xác nhận khối lượng, các hóa đơn tài chính, phiếu thu, bảng sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng từ ngày 01-01-2017 đến ngày 17-7-2020 của Công ty B; đơn khởi kiện; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, có đủ cơ sở xác định Công ty B ký kết hợp đồng số 50 với Công ty TB; Công ty B đã giao B thương phẩm cho Công ty TB với tổng giá trị sản phẩm là 10.059.621.550đồng, Công ty TB đã thanh toán 8.818.177.100đồng và còn nợ lại Công ty B số tiền 1.241.444.450đồng.

Căn cứ hợp đồng số 50, Điều 50 Luật Thương mại thì việc Công ty B yêu cầu Công ty TB thanh toán số tiền nợ gốc 1.241.444.450đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi đối với số tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TB có trách nhiệm trả nợ cho công ty B nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Công ty B không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty B số tiền 32.100.000đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 40; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50 Luật Thương mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng B.

2. Buộc Công ty Cổ phần TB có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng B số tiền 1.241.444.450đồng nợ gốc (*một tỷ hai trăm bốn mươi một triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần TB phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 49.243.334 đồng (*bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng*).

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng B không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng B số tiền 32.100.000 đồng (*ba mươi hai triệu một trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003973 ngày 16-12-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Nguyễn Trà My